

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CT . AASCS

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Năm 2015



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08).38205.944 -(08)38205.947; Fax: (08) 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2015	12 – 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 ngày 01 tháng 11 năm 2007; thay đổi lần thứ 4 và thay đổi mã doanh nghiệp số 3500701305 cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa ngày 24 tháng 09 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; Mua bán vật tư thiết bị; Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại; Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng; Cho thuê phương tiện vận tải; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh bất động sản; Chế biến và kinh doanh nông sản; Chế biến và kinh doanh hải sản; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Huỳnh Lin Chủ tịch

Ông Nguyễn Tiến Dũng Ủy viên

Ông Lê Thế Sơn Ủy viên

Ông Phạm Quốc Thái Ủy viên

Ông Đoàn Ngọc Nhân Ủy viên

(Bổ nhiệm ngày 26/5/2015)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Tiến Dũng Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2010 và bổ nhiệm lại ngày 22 tháng 10 năm 2013)

Ông Phan Văn Dũng Phó Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm ngày 20 tháng 05 năm 2009 và bổ nhiệm lại ngày 26 tháng 12 năm 2013)

Ông Phạm Quốc Thái Phó Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2010 và bổ nhiệm lại ngày 22 tháng 10 năm 2013)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 11 tháng 3 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng



Số: ~~247~~/BCKT/TC/2016/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***(Về Báo cáo tài chính năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa)*

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa.

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa được lập ngày 10 tháng 03 năm 2015 từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa có đủ cơ sở để xác định việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ trị giá là 50.000.000.000 đồng, vì đến thời điểm phát hành báo cáo chúng tôi chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2015.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Phó Tổng Giám đốc

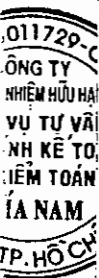
Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2013-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.590.355.620.250	1.523.608.052.630
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	292.880.701.123	343.978.985.497
1. Tiền	111		880.701.123	114.978.985.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		292.000.000.000	229.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		614.000.000.000	629.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	614.000.000.000	629.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		519.799.907.378	395.316.508.768
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	493.115.710.901	367.935.726.426
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.198.676.500	110.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	25.738.358.996	27.380.672.342
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(252.839.019)	
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	154.574.006.499	149.117.539.986
1. Hàng tồn kho	141		163.553.850.199	158.097.388.686
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(8.979.843.700)	(8.979.843.700)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.101.005.250	6.195.018.370
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	448.271.013	362.610.369
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	8.652.734.237	5.832.402.010
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		402.400.786.459	454.152.884.391
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		85.056.476.494	108.213.356.188
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	85.019.894.526	107.955.416.839
- Nguyên giá	222		2.382.403.879.281	2.345.864.183.435
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.297.383.984.755)	(2.237.908.766.596)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	36.581.968	257.939.349
- Nguyên giá	228		3.889.064.839	3.889.064.839
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.852.482.871)	(3.631.125.490)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.957.034.333	
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	3.957.034.333	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		303.135.910.772	345.370.855.006
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	83.750.000.000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	273.500.927.800	357.250.927.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2b	(54.115.017.028)	(11.880.072.794)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.251.364.860	568.673.197
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	263.630.860	568.673.197
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	9.987.734.000	
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.992.756.406.709	1.977.760.937.021

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		932.092.931.467	939.985.896.480
I. Nợ ngắn hạn	310		403.773.272.270	407.717.958.666
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	234.684.108.257	277.509.409.493
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	240.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	31.688.439.159	13.820.758.781
4. Phải trả người lao động	314	V.16	25.389.894.262	19.866.123.737
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.771.502.453	2.179.515.977
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.856.433.533	4.473.477.849
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	48.029.059.945	79.163.507.759
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	49.938.670.000	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.21	7.414.924.661	10.705.165.070
II. Nợ dài hạn	330		528.319.659.197	532.267.937.814
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	528.319.659.197	532.267.937.814
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.22	1.060.663.475.242	1.037.775.040.541
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.060.663.475.242	1.037.775.040.541
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		604.856.000.000	604.856.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		604.856.000.000	604.856.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.560.228.689	7.560.228.689
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		75.099.676.551	51.011.503.196
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.017.897.139	13.979.722.912
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		353.129.672.863	360.367.585.744
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		257.150.521.675	226.854.326.860
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		95.979.151.188	133.513.258.884
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.992.756.406.709	1.977.760.937.021

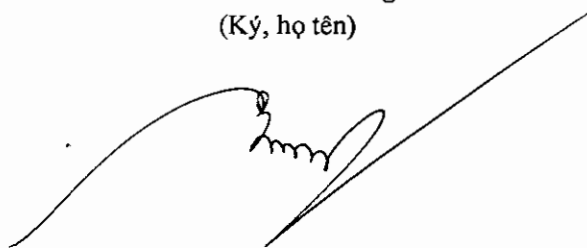
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Nguyễn Tiến Dũng

Phan Thị Thùy Linh

Trần Thị Bảo Xuân

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.830.980.819.813	2.100.967.217.237
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.830.980.819.813	2.100.967.217.237
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.641.817.387.535	1.970.001.499.253
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		189.163.432.278	130.965.717.984
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	151.690.882.980	135.430.918.475
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	193.161.611.750	63.222.691.663
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.255.655.479	20.341.446.148
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	188.037.496	231.433.253
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	27.747.683.880	36.994.564.465
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		119.756.982.132	165.947.947.078
11. Thu nhập khác	31	VI.5	524.730.952	610.287.547
12. Chi phí khác	32	VI.6	13.511.018	187.061.675
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		511.219.934	423.225.872
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		120.268.202.066	166.371.172.950
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	34.276.784.878	32.857.914.066
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(9.987.734.000)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.11	95.979.151.188	133.513.258.884
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.587	2.004
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phan Thị Thùy Linh

Phan Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Thị Bảo Xuân

Trần Thị Bảo Xuân

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyên tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		120.268.202.066	166.371.172.950
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		59.696.575.540	114.921.865.496
- Các khoản dự phòng	03		92.426.453.253	8.094.505.564
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		50.669.949.443	(15.604.529.643)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(64.363.959.284)	(31.630.143.882)
- Chi phí lãi vay	06		15.255.655.479	20.341.446.148
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		273.952.876.497	262.494.316.633
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(120.402.243.179)	(347.046.416.871)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.456.466.513)	(10.670.359.330)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(88.374.133.952)	179.879.559.424
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		219.387.693	(483.533.052)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.663.669.003)	(21.283.338.606)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.409.104.500)	(18.747.227)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		133.891.047	218.340.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.777.125.214)	(8.635.161.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.223.412.876	54.454.659.121
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(40.748.852.908)	(4.782.975.959)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			999.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(644.000.000.000)	(603.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		659.000.000.000	581.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(50.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.209.632.607	56.400.789.426
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		31.460.779.699	(19.382.686.533)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

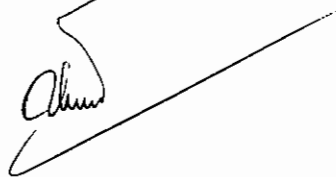
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		183.699.450.258	58.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(218.782.176.689)	(172.977.397.064)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(59.699.750.518)	(48.005.790.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(94.782.476.949)	(162.983.187.264)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(51.098.284.374)	(127.911.214.676)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		343.978.985.497	471.888.793.535
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			1.406.638
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	292.880.701.123	343.978.985.497

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Phan Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Thị Bảo Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tiến Dũng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 ngày 01 tháng 11 năm 2007; thay đổi lần thứ 4 và thay đổi mã doanh nghiệp số 3500701305 cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa ngày 24 tháng 09 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 604.856.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu đồng).

2. **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; Mua bán vật tư thiết bị; Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại; Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng; Cho thuê phương tiện vận tải; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh bất động sản; Chế biến và kinh doanh nông sản; Chế biến và kinh doanh hải sản; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

4. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu năm trước.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

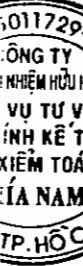
1. **Kỳ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

3.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.2 Các khoản chi vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.3 Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

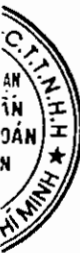
Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

6.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

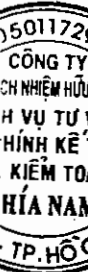
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành theo công thức sau:

$$\text{Thuế thu nhập hoãn lại phải trả} = \text{Chênh lệch tạm thời chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (\%)}$$

Trường hợp tại thời điểm ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã biết trước có sự thay đổi về thuế suất thuế TNDN trong tương lai, nếu việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới đã có hiệu lực thì thuế suất áp dụng để ghi nhận thuế hoãn lại phải trả được tính theo thuế suất mới.

Cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả và Chênh lệch tạm thời:

- Cơ sở tính thuế của tài sản là giá trị sẽ được trừ khỏi thu nhập chịu thuế khi thu hồi giá trị ghi sổ của tài sản. Nếu thu nhập không phải chịu thuế thì cơ sở tính thuế của tài sản bằng giá trị ghi sổ của tài sản đó. Cơ sở tính thuế của nợ phải trả là giá trị ghi sổ của nó trừ đi (-) giá trị sẽ được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế khi thanh toán nợ phải trả trong các kỳ tương lai. Đối với doanh thu nhận trước, cơ sở tính thuế là giá trị ghi sổ của nó, trừ đi phần giá trị của doanh thu không phải chịu thuế trong tương lai.
- Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó. Chênh lệch tạm thời gồm 2 loại: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chênh lệch tạm thời chịu thuế là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh khoản thuế thu nhập phải trả khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán.
- + Chênh lệch tạm thời về thời gian chỉ là một trong các trường hợp chênh lệch tạm thời, ví dụ: Nếu lợi nhuận kế toán được ghi nhận trong kỳ này nhưng thu nhập chịu thuế được tính trong kỳ khác.
- + Các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả so với cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó có thể không phải là chênh lệch tạm thời về mặt thời gian, ví dụ: Khi đánh giá lại một tài sản thì giá trị ghi sổ của tài sản thay đổi nhưng nếu cơ sở tính thuế không thay đổi thì phát sinh chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên thời gian thu hồi giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế không thay đổi nên chênh lệch tạm thời này không phải là chênh lệch tạm thời về thời gian.
- + Kế toán không tiếp tục sử dụng khái niệm “Chênh lệch vĩnh viễn” để phân biệt với chênh lệch tạm thời khi xác định thuế thu nhập hoãn lại do thời gian thu hồi tài sản hoặc thanh toán nợ phải trả cũng như thời gian để khấu trừ tài sản và nợ phải trả đó vào thu nhập chịu thuế là hữu hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải xác định các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm hiện tại làm căn cứ xác định số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trong năm.

Việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nay với số thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được ghi giảm (hoàn nhập), theo nguyên tắc:

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi nhận bổ sung số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh lớn hơn số được hoàn nhập trong năm;

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi giảm (hoàn nhập) số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh nhỏ hơn số được hoàn nhập trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm không liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu phải được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm.

Kế toán phải ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế không còn ảnh hưởng tới lợi nhuận tính thuế (khi tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán).

Việc bù trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ thực hiện khi lập Bảng cân đối kế toán, không thực hiện khi ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trên sổ kế toán.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

11.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

13.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

13.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13.4 Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

14.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

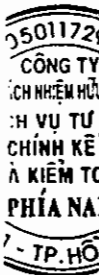
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

14.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

14.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Đối với kinh doanh bất động sản, khi chưa tập hợp được đầy đủ hồ sơ, chứng từ về các khoản chi phí liên quan trực tiếp tới việc đầu tư, xây dựng bất động sản nhưng đã phát sinh doanh thu nhượng bán bất động sản, được trích trước một phần chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán. Khi tập hợp đủ hồ sơ, chứng từ hoặc khi bất động sản hoàn thành toàn bộ, thì phải quyết toán số chi phí đã trích trước vào giá vốn hàng bán. Phần chênh lệch giữa số chi phí đã trích trước cao hơn số chi phí thực tế phát sinh được điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán của kỳ thực hiện quyết toán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Chi được trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng và phải thuyết minh chi tiết lý do, nội dung chi phí trích trước cho từng hạng mục công trình trong kỳ.
- Chi được trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành, được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn

hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (được xác định theo diện tích).

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

khoản; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

18.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18.2 Thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

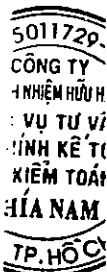
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt	253.570.417	10.104.625
* Tiền gửi ngân hàng	627.130.706	114.968.880.872
+ Tiền gửi ngân hàng Việt Nam đồng	627.130.706	114.747.379.157
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	109.909.717	57.607.180.244
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	55.842.736	52.633.455.856
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Tp.Vũng Tàu	13.271.286	206.063.680
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Bà Rịa	12.906.775	90.569.687
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Vũng Tàu	9.922.298	9.969.406
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Vũng Tàu	107.032.173	4.195.089.213
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	318.245.721	5.051.071
+ Tiền gửi ngoại tệ (USD)		221.501.715
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (# 10,360,23 USD)		221.501.715
* Các khoản tương đương tiền	292.000.000.000	229.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân Việt Nam	30.000.000.000	11.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bà Rịa Vũng Tàu	232.000.000.000	218.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	30.000.000.000	
Cộng	292.880.701.123	343.978.985.497

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm			
	Số lượng CP	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn							
* Ngắn hạn		614.000.000.000	614.000.000.000		629.000.000.000	629.000.000.000	
- Tiền gửi có kì hạn		614.000.000.000	614.000.000.000		629.000.000.000	629.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH NN và PTNT Việt Nam - CN Vũng Tàu					79.000.000.000	79.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại NH NN và PTNT Việt Nam - CN Vũng Tàu		74.000.000.000	74.000.000.000				
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH NN và PTNT Việt Nam - CN Bà Rịa		10.000.000.000	10.000.000.000		160.000.000.000	160.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại NH NN và PTNT Việt Nam - CN Bà Rịa		50.000.000.000	50.000.000.000				
- Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại NH NN và PTNT Việt Nam - CN Bà Rịa		100.000.000.000	100.000.000.000				
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH TMCP An Bình - CN Bà Rịa					60.000.000.000	60.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)		50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Công ty CP Tài Chính Điện Lực		80.000.000.000	80.000.000.000		80.000.000.000	80.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Công ty CP Tài Chính Điện Lực		50.000.000.000	50.000.000.000				
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH TMCP Quốc Dân Việt Nam		50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm			
	Số lượng CP	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam		50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam		50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại NH XNK Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu		30.000.000.000	30.000.000.000		30.000.000.000	30.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại NH TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Bà Rịa - Vũng Tàu		20.000.000.000	20.000.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000	
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
* Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		83.750.000.000	83.750.000.000				
- Công ty Cổ Phần Thủy Điện Buôn Đôn (chiếm 25%/ vốn điều lệ)	8.375.000	83.750.000.000	83.750.000.000				
* Đầu tư vào đơn vị khác		273.500.927.800	219.385.910.772	(54.115.017.028)	357.250.927.800	345.370.855.006	(11.880.072.794)
- Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Hải Phòng (chiếm 2%/ vốn điều lệ)	10.000.000	108.730.000.000	108.730.000.000		108.730.000.000	108.730.000.000	
- Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Quảng Ninh (chiếm 2,3%/ vốn điều lệ)	10.348.327	114.770.927.800	60.655.910.772	(54.115.017.028)	114.770.927.800	102.890.855.006	(11.880.072.794)
- Công ty Cổ Phần Thủy Điện Buôn Đôn (chiếm 25%/ vốn điều lệ)	8.375.000				83.750.000.000	83.750.000.000	
- Công ty Cổ Phần Phú Thạnh Mỹ (chiếm 15,15 %/ vốn điều lệ)	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	
Cộng		971.250.927.800	917.135.910.772	(54.115.017.028)	986.250.927.800	974.370.855.006	(11.880.072.794)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

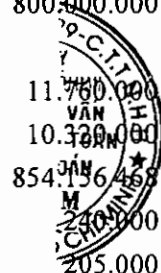
Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Phải thu ngắn hạn của khách hàng	493.115.710.901	367.935.726.426
- Công ty Mua Bán Điện Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	492.182.457.814	364.462.786.199
- Cán bộ Công Nhân viên, khách vãng lai	22.915.800	36.121.200
- Trường THCS Trần Đại Nghĩa	420.000	420.000
- Công ty TNHH Thiết bị xa bờ OS	1.820.000	1.300.000
- Công ty TNHH Thảo Nguyên		3.000.000
- Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	744.000	240.000
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu (Eximbank)		260.000
- Chi nhánh điện Bà Rịa	1.116.000	996.000
- Sở Y tế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	1.806.000	2.455.000
- Trung tâm GTTX dạy nghề GTVL Tp.Vũng Tàu		4.468.000
- Công ty TNHH PosCo Việt Nam		12.100.000
- Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Giang	361.198.599	361.198.599
- Công ty TNHH Cơ Điện Minh Anh		800.000.000
- Công ty Năng Lượng Mekong	165.286.000	
- CN Công ty Cổ phần Kết cấu KL & Lắp máy DK - XN Xây lắp 2	13.920.000	11.760.000
- CN Công ty Cổ phần Kết cấu KL & Lắp máy DK - XN Xây lắp 3	3.720.000	10.320.000
- Công ty TNHH Xuân Thiên		854.156.468
- Công ty TNHH Táo Khuyết - Bà Rịa		240.000
- Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm Bà Rịa - Vũng Tàu		205.000
- CN Tổng Công ty Khí VN - Công ty Cổ Phần - Công ty DV khí		628.059.960
- Công ty Điện Lực TNHH - BOT - Phú Mỹ 3	115.500.000	105.875.000
- Công ty TNHH Cấp nước Tóc Tiên - H.Tân Thành	520.000	715.000
- Công ty TNHH MTV Phân Bón Dầu Khí Cà Mau		627.495.000
- Trường Cao đẳng Sư Phạm Bà Rịa		2.365.000
- Trường THCS Kim Đồng		690.000
- Trường THPT Trần Hưng Đạo - Tân Thành		3.000.000
- Tổng Công ty Phát Điện 2		5.500.000
- CN Ngân Hàng Nông nghiệp & PTNT - huyện Tân Thành	650.000	
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	188.164.688	
- Công ty TNHH Hằng Nguyên	53.900.000	
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Vũng Tàu	1.212.000	
- Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	360.000	
Cộng	493.115.710.901	367.935.726.426



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
* Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.198.676.500	110.000
- Báo Đầu Thầu		110.000
- Công ty TNHH TM - DV Nam Kinh	934.920.000	
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây dựng Điện 3	241.756.500	
- Văn phòng Công nhận chất lượng	22.000.000	
Cộng	1.198.676.500	110.000

5. PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
* Phải thu ngắn hạn khác	25.738.358.996		27.380.672.342	
+ Phải thu khác	25.730.358.996		27.153.535.346	
- Viện cơ khí Bộ Công Nghiệp	1.255.278		1.255.278	
- Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Thủ Đức	187.027.760			
- Chi phí khảo sát các công trình dịch vụ ngoài			59.188.578	
- Trần Ngọc Hương			449.825	
- Khác	2.787.067			
- Lãi tiền gửi phải thu (các hợp đồng gửi tiền)	25.539.288.891		27.092.641.665	
+ Tạm ứng	8.000.000		30.739.845	
- Bùi Thị Thanh Loan			739.845	
- Thân Đức Vinh	3.000.000			
- Võ Tiên Dũng			30.000.000	
- Lưu Thị Thu Huyền	5.000.000			
+ Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			196.397.151	
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam			196.397.151	
Cộng	25.738.358.996		27.380.672.342	



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
* Công nợ phải thu khó đòi				
- Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Giang	Từ 2 đến 3 năm	252.839.019		
Cộng		252.839.019		

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	162.516.607.944	(8.979.843.700)	157.947.089.279	(8.979.843.700)
- Công cụ, dụng cụ	113.097.691		104.557.529	
- Thành phẩm	55.668.023		45.736.878	
- Chi phí Sản xuất, kinh doanh dở dang	868.476.541			
Cộng	163.553.850.199	(8.979.843.700)	158.097.383.686	(8.979.843.700)

8. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Xây dựng cơ bản dở dang	3.957.034.333	
- Mua sắm	3.500.000.000	
- Sửa chữa lớn TSCĐ	457.034.333	
Cộng	3.957.034.333	

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	91.978.343.798	2.198.285.866.593	30.314.260.487	25.285.712.557	2.345.864.187.435
- Mua trong năm		19.368.228.600	972.454.545	378.400.000	20.719.083.145
- Cải tạo sửa chữa				15.584.489.972	15.584.489.972
- Đầu tư XDCB hoàn thành	236.122.729				236.122.729
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	92.214.466.527	2.217.654.095.193	31.286.715.032	41.248.602.529	2.382.403.879.281
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	56.807.508.956	2.129.462.748.991	27.221.962.229	24.416.546.420	2.237.908.766.596
- Khấu hao trong năm	3.167.924.186	49.300.955.926	643.100.226	6.363.237.821	59.475.218.159
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	59.975.433.142	2.178.763.704.917	27.865.062.455	30.779.784.241	2.297.383.984.755
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	35.170.834.842	68.823.117.602	3.092.298.258	869.166.137	107.955.416.839
2. Tại ngày cuối năm	32.239.033.385	38.890.390.276	3.421.652.577	10.468.818.288	85.019.894.526



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.011.117.583		877.947.256		3.889.064.839
- Mua trong năm					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	3.011.117.583		877.947.256		3.889.064.839
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.011.117.583		620.007.907		3.631.125.490
- Khấu hao trong năm			221.357.381		221.357.381
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	3.011.117.583		841.365.288		3.852.482.877
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm			257.939.349		257.939.349
2. Tại ngày cuối năm			36.581.968		36.581.968

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a- Chi phí trả trước ngắn hạn**

- Công cụ, dụng cụ phân bổ

b- Chi phí trả trước dài hạn

- Công cụ, dụng cụ sản xuất chờ phân bổ

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

448.271.013

362.616.369

448.271.013

362.616.369

263.630.860

568.673.197

263.630.860

568.673.197

711.901.873

931.289.566

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Vay ngắn hạn	48.029.059.945	48.029.059.945	58.054.230.008	89.188.677.822	79.163.507.759	79.163.507.759
- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (# 2.498.910.507 Won) (a)	48.029.059.945	48.029.059.945	57.712.338.160	54.038.939.714	44.355.661.499	44.355.661.499
- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (# 1.628.056,42 USD) (b)			341.891.848	35.149.738.108	34.807.846.260	34.807.846.260
b- Vay dài hạn	528.319.659.197	528.319.659.197	125.645.220.250	129.593.498.867	532.267.937.814	532.267.937.814
- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (# 29.986.926.074 Won)	528.319.659.197	528.319.659.197	125.645.220.250	129.593.498.867	532.267.937.814	532.267.937.814
Cộng	576.348.719.142	576.348.719.142	183.699.450.258	218.782.176.689	611.431.445.573	611.431.445.573

(a) Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 01/9/2015 với tổng mức nợ vay đến ngày 01/01/2015 là 32.485.836.581 Won; kế thừa hợp đồng vay vốn ODA số 21/TNDN ngày 20/12/2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bà Rịa- Vũng Tàu) và Nhà máy điện Bà Rịa (Nay là Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng tổng mức nợ vay là 49.978.210.130 Won. Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc - EDCF cho mục đích thực hiện dự án Đuôi Hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa; Thời hạn cho vay lại là 13 năm, lãi suất 2,4 %/ năm.

(b) Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam vay từ nguồn vốn vay Ngân Hàng Thế Giới cho Công ty CP Nhiệt Điện Bà Rịa vay theo hợp đồng cho vay lại số 10/2007/EVN-BTP/TCKT ngày 31/10/2007, số tiền vay theo hợp đồng là 24.045.481,42 USD để đầu tư xây dựng dự án đuôi hơi 306-1 Bà Rịa với mục đích đầu tư tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 8 năm, lãi suất 7,1 %/ năm (lãi suất thay đổi khi chi phí cố định trong giá mua điện của hợp đồng mua bán điện số 01-2006/BRPC-EVN ngày 27/12/2006 thay đổi, hình thức đảm bảo tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay).

Đây là khoản vay dài hạn phải trả cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 01/9/2015 với tổng mức nợ vay đến ngày 01/01/2015 là 32.485.836.581 Won; kế thừa hợp đồng vay vốn ODA số 21/TNDN ngày 20/12/2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bà Rịa- Vũng Tàu) và Nhà máy điện Bà Rịa (Nay là Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng tổng mức nợ vay là 49.978.210.130 Won Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc - EDCF cho mục đích thực hiện dự án Đuôi Hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa; Thời hạn cho vay lại là 13 năm, lãi suất 2,4 %/ năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Phải trả người bán ngắn hạn	234.684.108.257	234.684.108.257	277.509.409.493	277.509.409.493
- Công ty cấp nước Bà Rịa Vũng Tàu	240.313.500	240.313.500	171.157.260	171.157.260
- Công ty Cổ Phần hữu hạn Vedan Việt Nam	26.057.350	26.057.350	52.980.510	52.980.510
- Công ty SX và chế biến KD các SP khí	209.354.857.158	209.354.857.158	274.954.925.657	274.954.925.657
- Công ty TNHH DV Xây Dựng Thành Huy			8.183.263	8.183.263
- Công ty TNHH MTV TB và Kỹ Thuật Khánh Linh			4.744.422	4.744.422
- Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật Mê Kông			401.820.000	401.820.000
- Công ty TNHH TM Kỹ Thuật Tri Việt			393.768.848	393.768.848
- Công ty TNHH TM và DV Thanh An	986.884.492	986.884.492	479.083.387	479.083.387
- Trung Tâm Công Nghệ Thông Tin	41.187.215	41.187.215	25.687.885	25.687.885
- Cây Xăng Bà Rịa			12.543.500	12.543.500
- Công ty Cổ Phần Hoàng Hà	2.587.563	2.587.563	2.587.563	2.587.563
- Công ty Cổ Phần TM Kỹ thuật Hải Anh	14.784.000	14.784.000	629.168.640	629.168.640
- Công ty TNHH Bảo Ân Đoàn Kết			145.463.991	145.463.991
- Công ty TNHH CN Kỹ thuật xử lý nước Trung Diệp Tin			4.483.500	4.483.500
- Công ty TNHH Công Nghiệp Thiên Việt	74.848.500	74.848.500	1.045.000	1.045.000
- Công ty TNHH SX XD TM Quốc Kim	3.487.000	3.487.000	3.487.000	3.487.000
- Công ty TNHH TM DV Lê Hùng Sao Mai	17.318.367	17.318.367	17.318.367	17.318.367
- Nhà Máy Hóa Chất Biên Hòa (Công ty Hoá chất cơ bản Miền Nam)			47.247.200	47.247.200
- Phòng khám bệnh đa khoa - TTYT MT LĐ Công Thương			39.011.000	39.011.000
- Viện cơ khí năng lượng và Mỏ	114.702.500	114.702.500	114.702.500	114.702.500
- Công ty TNHH Xuân Thiên	18.357.174.000	18.357.174.000		
- Công ty TNHH Cơ điện Minh Anh	3.850.000.000	3.850.000.000		
- Công ty TNHH KT Tự Động hoá VINA	445.088.600	445.088.600		
- Công ty TNHH TM Phúc Lộc TP HCM (Mua Thiết Bị)	394.437.130	394.437.130		
- Tổng Công ty Dung Dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí	248.950.993	248.950.993		



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả công nhân viên

Cộng**Số cuối năm**

25.389.894.262

Số đầu năm

19.866.123.737

25.389.894.262**19.866.123.737****17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

* Chi phí phải trả ngắn hạn

- Lãi vay phải trả

Cộng**Số cuối năm**

1.771.502.453

Số đầu năm

2.179.515.977

1.771.502.453

2.179.515.977

1.771.502.453**2.179.515.977****18. PHẢI TRẢ KHÁC**

* Phải trả ngắn hạn khác

- Các đối tượng khác

- Thuế thu nhập CBCNV tạm thu

- Công ty TNHH Kỹ thuật TM DV Phú Mỹ

- Tiền thu lao thu thuế thu nhập phải trả

- Nguyễn Thành Công

- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Thù lao thuế GTGT

- Công ty Cổ phần Tân Thành Đô City Ford

- Trần Anh Tuấn

- Trương Đức Hải

- Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Bà Rịa

- Sở Y tế Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

- Trung Tâm GDTX Dạy nghề & GTVL

- Kinh phí công đoàn

- Thu tiền nước, điện CBCNV

- Quỹ bảo trợ xã hội

- Công ty TNHH Cấp nước Tóc Tiên

- Bánh canh Long Hương

- Quán Trống Mái

- Quán Sông Rạch Hào

- Trường mầm non Vành Khuyên

- Công ty TNHH Cơ điện Minh Anh

- Công ty TNHH Táo Khuyết Bà Rịa

- Quán Lý Tường (thể chân vô bình)

- Trường THCS Tân Hưng

- Nguyễn Văn Du

- CN Công ty Cổ phần Kết cấu KL & Lắp máy DK - XN Xây lắp 2, 3

- Chi cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm Bà Rịa

- Trần Văn Thám

- Cổ tức Công ty Cổ phần Tài chính điện lực

- Cổ tức phải trả các cổ đông

Số cuối năm

4.856.433.533

Số đầu năm

4473477849

4.883.346

34.949.503

1.513.765.880

1.386.185.160

9.338.450

9.338.450

1.268.701

1.268.701

1.800.000

1.200.000

1.200.000

800.000

1.029.785

1.029.785

1.200.000

1.200.000

800.000

800.000

800.000

800.000

800.000

1.200.000

800.000

800.000

800.000

800.000

23.546.710

23.368.460

80.116.187

55.872.112

110.910.444

600.000

600.000

600.000

1.000.000

1.200.000

400.000

400.000

1.000.000

400.000

400.000

400.000

400.000

600.000

1.000.000

1.200.000

800.000

6.000.000

6.000.000

400.000

680.000

1.000.000

1.400.000

259.350

259.350

3.099.977.880

2.510.458.320

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (Hệ thống Scada)		199.209.442
- Cổ tức Công ty Cổ phần Bất Động Sản Điện Lực Miền Trung	3.684.840	3.684.840
- Nguyễn Đình Hoàng	4.200.000	4.200.000
- Tạp hóa Phong Nguyễn	1.800.000	1.800.000
- Công ty TNHH Kỹ thuật P.T	5.884.890	5.884.890
- Công ty TNHH Manson		9.500.000
- Công ty TNHH TM Kỹ Thuật Tri Việt	19.688.443	19.688.443
- Phòng Giáo Dục Đào Tạo TP. Bà Rịa	280.000	400.000
- Trích nộp 20% BHXH	22.926.174	73.589.949
- Công ty TNHH Kỹ Thuật và TM Trung Việt	25.000.000	
- Công ty TNHH MTV TM XD Hoàng Anh Khoa	8.782.897	
- Ngân hàng Nông Nghiệp Tân Thành, Vũng Tàu	1.800.000	
- Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam	1.400.000	
- Công ty TNHH cơ khí Tân Thành, Công ty Cổ Phần LH	1.200.000	
- Công ty TNHH SX linh kiện CK Formosa	1.200.000	
- Công ty TNHH Táo Khuyết BR, Bích Cầu	1.200.000	
- Quán Trống Mái, Tạp hoá Quyên, Võ Thanh Sơn	1.200.000	
- Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á	1.000.000	
- Công ty Cổ Phần Y Bình An	600.000	
Cộng	4.856.433.533	4.473.477.849

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

- Dự phòng sửa chữa lớn - đại tu GT4
- Dự phòng sửa chữa lớn - trùng tu lò 4

Cộng

Số cuối năm Số đầu năm

45.787.000.000

4.151.670.000

49.938.670.000**20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ***** Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Cộng

Số cuối năm Số đầu năm

20%

49.938.670.000

9.987.734.000**9.987.734.000****21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH**

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban điều hành

Cộng

Số cuối năm Số đầu năm

7.414.924.661

10.705.165.070

7.414.924.661**10.705.165.070**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	604.856.000.000	7.560.228.689	40.280.487.684	11.199.604.550	298.452.726.033	962.349.046.956
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước					133.513.258.884	133.513.258.884
- Tăng khác			10.731.015.512	3.041.651.702		13.772.667.214
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác				261.533.340	71.598.399.173	71.859.932.513
Số dư đầu năm nay	604.856.000.000	7.560.228.689	51.011.503.196	13.979.722.912	360.367.585.744	1.037.775.040.541
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay					95.979.151.188	95.979.151.188
- Tăng khác			24.088.173.355	6.325.042.464		30.413.215.819
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác (*)				286.868.237	103.217.064.069	103.503.932.306
Số dư cuối năm nay	604.856.000.000	7.560.228.689	75.099.676.551	20.017.897.139	353.129.672.863	1.060.663.475.242

Ghi chú: (*) Giảm khác của Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị Quyết 530/NQ-NĐBR-ĐHĐCD ngày 26/5/2015:

	Số tiền
- Cổ tức 2014	60.485.600.000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2014	24.088.173.355
- Trích Quỹ khen thưởng năm 2014	4.927.000.000
- Trích Quỹ phúc lợi năm 2014	7.391.248.250
- Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ năm 2014	6.022.043.339
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2014	302.999.125
Cộng	103.217.064.069



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty mẹ	80%	481.235.570.000	481.235.570.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	20%	123.620.430.000	123.620.430.000
Cộng	100%	604.856.000.000	604.856.000.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	604.856.000.000	604.856.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	604.856.000.000	604.856.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	60.485.600.000	48.005.790.200

d/ Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.485.600	60.485.600
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	60.485.600	60.485.600
+ Cổ phiếu phổ thông	60.485.600	60.485.600
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.485.600	60.485.600
+ Cổ phiếu phổ thông	60.485.600	60.485.600
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP		
e/ Các quỹ của doanh nghiệp	95.117.573.690	64.991.226.108
- Quỹ Đầu tư và phát triển	75.099.676.551	51.011.503.196
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.017.897.139	13.979.722.912

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD		10,360.23
Cộng		10,360.23

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	1.826.039.945.804	2.090.402.890.462
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.940.874.009	10.564.326.775
Cộng	1.830.980.819.813	2.100.967.217.237
2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.638.238.591.600	1.961.601.137.031
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.578.795.935	8.400.362.222
Cộng	1.641.817.387.535	1.970.001.499.253

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

Năm nay	Năm trước
54.176.459.284	65.430.931.091
10.187.500.000	18.062.500.000
2.363.966.484	65.757.780
84.962.957.212	51.871.729.604
151.690.882.980	135.430.918.475

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lỗ do trích lập dự phòng
- Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư

Cộng

Năm nay	Năm trước
15.255.655.479	20.341.446.148
38.105.382	4.811.654.656
135.632.906.655	38.799.337.494
42.234.944.234	
	(729.746.635)
193.161.611.750	63.222.691.663

5. THU NHẬP KHÁC

- Thu nhập từ việc thanh lý tài sản
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
	179.804.143
49.272.558	244.294.556
475.458.394	186.188.848
524.730.952	610.287.547

6. CHI PHÍ KHÁC

- Tiền phạt
- Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
74.654	135.942.765
13.436.364	51.118.910
13.511.018	187.061.675

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí bằng tiền khác
- Chi phí bán hàng khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
1.461.685	7.506.562
37.819.063	3.215.045
148.756.748	220.711.646
188.037.496	231.433.253

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
15.963.044.674	17.933.550.739
273.986.578	350.814.975
242.547.642	373.873.973
1.304.225.514	1.581.937.040
1.220.231.365	534.367.894
252.839.019	8.824.252.199
1.603.126.608	1.198.526.783
3.288.921.370	2.573.361.091
3.598.761.110	3.623.879.771
27.747.683.880	36.994.564.465

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu	1.484.239.894.222	1.788.506.952.027
- Chi phí nhân công	67.578.289.290	66.286.086.837
- Chi phí khấu hao TSCĐ	59.696.575.540	114.500.248.003
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.507.304.014	2.184.348.950
- Chi phí bằng tiền khác	57.330.511.283	35.966.482.370
Cộng	1.671.352.574.349	2.007.444.118.187

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	31.054.345.211	32.839.166.839
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	3.222.439.667	18.747.227
Cộng	34.276.784.878	32.857.914.066

10. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

	Năm nay	Năm trước
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	565.200.000	428.880.000
Cộng	565.200.000	428.880.000

11. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM

	Năm nay	Năm trước
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	120.268.202.066	166.371.172.950
+ Các khoản điều chỉnh tăng	50.262.744.654	960.267.229
+ Các khoản điều chỉnh giảm	24.834.953.032	18.062.500.000
+ Tổng thu nhập chịu thuế năm nay	145.695.993.688	149.268.940.179
+ Thuế TNDN phải nộp năm nay	31.054.345.211	32.839.166.839
+ Thuế TNDN được miễn, giảm	3.222.439.667	18.747.227
+ Thuế TNDN bổ sung các năm trước	34.276.784.878	32.857.914.066
+ Thuế TNDN còn phải nộp	(9.987.734.000)	
+ Thuế TNDN hoãn lại	95.979.151.188	133.513.258.884
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN		

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	95.979.151.188	133.513.258.884
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.318.248.250
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	95.979.151.188	121.195.010.634
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.485.600	60.485.600
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.587	2.004

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG

1- Giao dịch giữa các bên liên quan:

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số phát sinh	Số dư tại ngày 31/12/2015	
				Phải thu	Phải trả
- Tập đoàn điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng công ty Phát điện 3	Vay và nợ ngắn hạn			48.029.059.945
		Vay dài hạn			528.319.659.197
		Hệ thống Scada	(199.209.442)		
		Lãi vay đã trả	15.643.645.425		
		Lãi vay phải trả			1.613.776.414
		Thanh toán gốc vay	83.426.193.048		
		Chi cổ tức	48.123.557.000		
- Công ty Mua bán điện	Cùng tập đoàn	Phải thu tiền bán điện	2.082.453.227.648	492.182.457.814	
		Số tiền đã thu	1.886.209.703.764		
- Tổng Công ty phát điện 3	Công ty mẹ	Dịch vụ thí nghiệm			110.000.000
		Dịch vụ lọc dầu			23.100.000

* Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Các khoản thu nhập phát sinh của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm 2015:

Chức vụ	Nội dung	Số người	Số tiền (VND)
Chủ tịch HĐQT	Tiền lương	1	544.230.000
Tổng Giám đốc	Tiền lương	1	523.600.000
Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	2	928.670.000
Kế toán trưởng	Tiền lương	1	423.070.000
Hội đồng quản trị	Thù lao		331.200.000
Trực tiếp tham gia hoạt động SXKD		2	165.600.000
Không trực tiếp tham gia hoạt động SXKD		2	165.600.000
Ban kiểm soát	Thù lao		234.000.000
Trực tiếp tham gia hoạt động SXKD		1	75.600.000
Không trực tiếp tham gia hoạt động SXKD		2	158.400.000

2- Về báo cáo bộ phận:

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi toàn quốc.

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận.

Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc và chủ yếu là hoạt động kinh doanh điện với doanh thu chiếm trên 99% nên không lập báo cáo bộ phận.

3- Báo cáo về Công cụ tài chính:

* Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phân vốn thuộc sở hữu của Nhà nước và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty.

* Các chính sách kế toán chủ yếu

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và Thuyết minh các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

* Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.880.701.123	343.978.985.497	292.880.701.123	343.978.985.497
Phải thu khách hàng và phải thu khác	518.854.069.897	395.089.261.772	518.601.230.878	395.089.261.772
Đầu tư ngắn hạn	614.000.000.000	629.000.000.000	614.000.000.000	629.000.000.000
Đầu tư dài hạn	357.250.927.800	357.250.927.800	303.135.910.772	345.370.855.006
Tài sản tài chính khác				
Tổng Cộng	1.782.985.698.820	1.725.319.175.069	1.728.617.842.773	1.713.439.102.275
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	576.348.719.142	611.431.445.573	576.348.719.142	611.431.445.573
Phải trả người bán và phải trả khác	239.540.541.790	281.982.887.342	239.540.541.790	281.982.887.342
Phải trả người lao động	25.389.894.262	19.866.123.737	25.389.894.262	19.866.123.737
Chi phí phải trả	1.771.502.453	2.179.515.977	1.771.502.453	2.179.515.977
Tổng Cộng	843.050.657.647	915.459.972.629	843.050.657.647	915.459.972.629

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc 31/12/2015 do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31/12/2015.

* *Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tái chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng:

Các khoản phải thu khách hàng đều được khách hàng trả trước nên đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng:

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

* *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty hiện tại không do Công ty có nguồn tiền có thể đáp ứng được cho các khoản thanh toán.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng Cộng
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.880.701.123		292.880.701.123
Phải thu khách hàng và phải thu khác	518.854.069.897		518.854.069.897
Đầu tư ngắn hạn	614.000.000.000		614.000.000.000
Đầu tư dài hạn		303.135.910.772	303.135.910.772
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	1.425.734.771.020	303.135.910.772	1.728.870.681.792
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.978.985.497		343.978.985.497
Phải thu khách hàng và phải thu khác	395.089.261.772		395.089.261.772
Đầu tư ngắn hạn	629.000.000.000		629.000.000.000
Đầu tư dài hạn		345.370.855.006	345.370.855.006
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	1.368.068.247.269	345.370.855.006	1.713.439.102.275

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

*** Quản lý rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái.

Phần lớn phát sinh ngoại tệ chủ yếu là do các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ này của Công ty được đã được khách hàng thanh toán trước.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu là liên quan đến các khoản vay. Công ty phát sinh khoản vay có nguồn vốn ODA nên rủi ro lãi suất là không cao.

Rủi ro về giá khác:

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

5- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

*** Trình bày lại số liệu đầu năm theo Thông tư 200/2014 ngày 22 tháng 12 năm 2014.**

- Trích bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đầu năm		
		Theo báo cáo kiểm toán năm 2014	Điều chỉnh theo TT 200/2014	Trình bày lại
TÀI SẢN		27.380.672.342		27.380.672.342
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	27.153.535.346	227.136.996	27.380.672.342
2. Tài sản ngắn hạn khác	155	227.136.996	(227.136.996)	
NGUỒN VỐN		51.011.503.196		51.011.503.196
1. Quỹ đầu tư phát triển	417	27.792.901.471	23.218.601.725	51.011.503.196
2. Quỹ dự phòng tài chính	418	23.218.601.725	(23.218.601.725)	
TỔNG CỘNG		78.392.175.538		78.392.175.538

501172
CÔNG T
H NHIỆM H
: VU TU
HÍNH KẾ
KIỂM T
HIA NA
TP. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- Trích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước		
		Theo báo cáo kiểm toán năm 2014	Điều chỉnh theo TT 200/2014	Trình bày lại
1. Thu nhập khác	31	1.429.983.404	819.695.857	610.287.547
2. Chi phí khác	32	1.006.757.532	819.695.857	187.061.675

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phan Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Thị Bảo Xuân

Nguyễn Tiến Dũng

